**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**------------------------------**

**NGUYỄN TIẾN DŨNG**

**Ý THỨC VỀ CHỦ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH QUỐC GIA**

**CỦA MỘT SỐ NHÀ CẢI CÁCH Ở KHU VỰC ĐÔNG Á**

**NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX - ĐẦU THẾ KỶ XX**

Chuyên ngành: Lịch sử Thế giới

Mã số : 62. 22. 03. 11

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ**

**Hà Nội – 2016**

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn

 Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS. Nguyễn Văn Kim**

Giới thiệu 1:…………………………………………………

Giới thiệu 2:…………………………………………………

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Cơ sở

họp tại Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn –

Đại học Quốc gia Hà Nội

vào hồi ……giờ…… ngày …… tháng …… năm 20…

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

# MỞ ĐẦU

**1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu**

Lịch sử các quốc gia phương Đông là quá trình phát triển lâu dài với nhiều vận động, biến đổi, thăng trầm. Trong tiến trình phát triển đó, mỗi quốc gia đã phải đương đầu với nhiều thách thức, đe dọa về an ninh và chủ quyền quốc gia. Thách thức có thể xuất phát từ những nhân tố nội tại của mỗi quốc gia, hay ở một mức cao hơn là thách thức mang tầm khu vực khi nền độc lập dân tộc của quốc gia này bị đe dọa bởi âm mưu và hành động xâm chiếm của các nước lân bang. Đến giữa thế kỷ XIX, các quốc gia ở phương Đông phải đối diện với *một thách thức mang tính thời đại*, chưa bao giờ vấn đề chủ *quyền dân tộc* lại được đặt ra nghiêm trọng như vậy. Đó là thách thức của chủ nghĩa thực dân phương Tây đe dọa sự tồn vong của các dân tộc phương Đông.

Đứng trước thách thức về chủ quyền và độc lập, các quốc gia phương Đông đã có những phản ứng và lựa chọncon đường đấu tranh khác nhau. Có hai con đường đấu tranh cơ bản dành cho các quốc gia châu Á thời kỳ này: *thứ nhất*, hòa hiếu, tranh thủ cơ hội để canh tân, tự cường đất nước; *thứ hai,* đương đầu bằng sức mạnh quân sự (hầu hết đều thất bại). Ngay trong các quốc gia có chủ trương lựa chọn con đường đấu tranh bằng vũ trang vẫn có một bộ phận trí thức trong xã hội đó mong muốn lựa chọn con đường cải cách nhằm canh tân đất nước, giải nguy cho dân tộc. Cần phải nhìn nhận rằng, hòa hoãn không có nghĩa là hành động nhu nhược, đầu hàng. Bài học từ những kháng cự thất bại của Trung Quốc (sau chiến tranh nha phiến lần thứ nhất, 1840-1842), Malacca… khiến các quốc gia này nhận ra rằng, trong tương quan lực lượng Đông - Tây thời bấy giờ, kháng chiến tất yếu dẫn đến thất bại. Và các quốc gia chủ trương hòa hoãn cũng nhận thấy rằng, tranh thủ hòa hoãn để canh tân, tự cường đất nước là con đường đấu tranh khôn ngoan và hiệu quả nhất.

*Mục tiêu của các cuộc cải cách là bảo vệ độc lập dân tộc, trong đó, vấn đề chủ quyền được đặt lên trên hết*. Chủ quyền đất nước là mong muốn, khát vọng, hằng xuyên của mọi quốc gia. Nhưng mỗi quốc gia trong mỗi thời điểm lịch sử, vấn đề đó lại được nhìn nhận ở nhiều góc độ và quan điểm khác nhau. Sự khác biệt này phụ thuộc vào điều kiện lịch sử, bối cảnh văn hóa, kinh tế và ý thức hệ chủ đạo vào thời điểm lịch sử đó. Có thể dễ dàng nhận thấy, dù ở thời đại lịch sử nào hay ý thức hệ nào chi phối thì chủ quyền của mỗi quốc gia luôn phải gắn liền với một lực lượng lãnh đạo nhất định (một tầng lớp, một giai cấp hay một thế lực phong kiến…). Khi được đặt đúng vị trí, và đảm nhiệm đúng sứ mệnh lịch sử, lực lượng lãnh đạo sẽ trở thành lực lượng quy tụ sức mạnh dân tộc, tập hợp các cá nhân, giai cấp khác trong xã hội. Khi đó, quyền lợi của lực lượng lãnh đạo được hòa chung với quyền lợi dân tộc.

Khi quan hệ giai cấp phát triển, quan điểm của giai cấp lãnh đạo có thể chia sẻ với các giai cấp khác, song có những thời điểm lịch sử, các giai cấp khác có thể nhận thức hay có cách nhìn không tương đồng với giai cấp lãnh đạo, và thế kỷ XIX ở khu vực Đông Á đã xảy ra hiện tượng như vậy. Trong trường hợp của Việt Nam, đứng trước thách thức lịch sử, vua quan nhà Nguyễn có nhận thức như thế nào về thời cuộc? Nhân dân nhìn nhận như thế nào về độc lập chủ quyền của dân tộc? Và các nhà cải cách nhìn nhận vấn đề như thế nào? Có thể thấy rằng, một số nhà cải cách châu Á đã có cái nhìn đi trước và vượt tầm thời đại và giai cấp lãnh đạo.

Thách thức về chủ quyền quốc gia xuất phát từ đâu? Thách thức xuất phát từ chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng như thế nào? Hay thách thức của thời đại chỉ thuần túy xuất phát từ tàu to, súng lớn của các nước phương Tây?

Đi cùng với chủ quyền quốc gia là lợi ích quốc gia, đây là hai phạm trù có mối quan hệ mật thiết với nhau. Trong nhiều trường hợp, một quốc gia có thể mất lợi ích kinh tế, nhưng không mất lợi ích chính trị, nhưng cũng có trường hợp chủ quyền và độc lập dân tộc được bảo vệ nhưng lợi ích quốc gia lại bị tổn hại nghiêm trọng. Trong bối cảnh lịch sử đầy rối ren và biến động của các quốc gia Đông Á giữa thế kỷ XIX, đã xuất hiện sự chồng chéo và đan cài phức tạp giữa vấn đề chủ quyền và lợi ích quốc gia. Khi giai cấp lãnh đạo không nhận thức được những đe dọa nghiêm trọng đến chủ quyền và lợi ích quốc gia, bỏ rơi và không đáp ứng được nguyện vọng chủ quyền của nhân dân, thì điều tất yếu là các giai cấp khác sẽ vùng lên (trong đó các cuộc khởi nghĩa nông dân thời phong kiến là ví dụ điển hình hay nói cách khác, khởi nghĩa cũng chỉ là một hình thức phản ứng của các giai tầng khác trong xã hội).

Có một thực tế là, nghiên cứu về các nhà cải cách tiêu biểu ở khu vực Đông Á và những khía cạnh khác nhau trong tư tưởng của họ đã thu hút sự chú ý của đông đảo các học giả ở từng nước cũng như nhiều học giả quốc tế. Song, một công trình chuyên sâu về ý thức và quan niệm về chủ quyền cũng như lợi ích quốc gia của những nhà cải cách – lớp người được coi là tinh hoa – thời kỳ này thì chưa được chú ý. Trên cơ sở những định hướng chung đó, chúng tôi mạnh dạn lựa chọn đề tài ***Ý thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia của một số nhà cải cách ở khu vực Đông Á nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX*** làm chủ đề cho Luận án Tiến sĩ.

**2. Mục tiêu nghiên cứu**

Mục đích chính của luận án là phân tích ý thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia của một số nhà cải cách ở khu vực Đông Á trong bối cảnh các quốc gia khu vực phải đối diện với áp lực bành trướng mạnh mẽ của các thế lực phương Tây nửa cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.

Qua phân tích những nhân tố bên trong và bên ngoài tác động đến ý thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia của các nhà cải cách, luận án tập trung luận giải tác động của ý thức này đối với việc bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia của các nước Đông Á trước làn sóng xâm thực của các nước tư bản phương Tây.

Trên cơ sở làm rõ những thách thức, áp lực mà các quốc gia Đông Á phải đương đầu ở thế kỷ XIX, luận án cũng mong muốn trình bày một số ý tưởng, suy nghĩ về cách thức ứng đối mà Việt Nam phải đối diện ngày nay, đó là những tác động tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa, những áp lực chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế... của các thế lực, đế chế khu vực, thế giới đã và đang đe dọa, xâm phạm đến chủ quyền, lợi ích quốc gia của đất nước ta cũng như các nước trong khu vực.

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đề tài tập trung nghiên cứu những vận động, chuyển biến trong tư tưởng và ý thức của một số nhà cải cách ở khu vực Đông Á về vấn đề chủ quyền và lợi ích quốc gia. Những chuyển biến và vận động trong tư tưởng và ý thức của các nhà cải cách tiêu biểu là Fukuzawa Yukichi (Nhật Bản), Mongkut (Thái Lan), Lý Hồng Chương (Trung Quốc) và Nguyễn Trường Tộ (Việt Nam) luôn được xem xét dưới góc nhìn đối sánh với các nhà cải cách cùng thời cũng như các nhà cải cách thế hệ tiếp sau như: Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Tôn Trung Sơn ở Trung Quốc; Nguyễn Lộ Trạch, Bùi Viện, Phạm Phú Thứ hay Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh ở Việt Nam; Chulalongkorn ở Thái Lan...

Về *phạm vi nghiên cứu* của đề tài, có ba điểm chúng tôi xin được lưu ý và nhấn mạnh trong Luận án là nội hàm về *thuật ngữ Đông Á* (phạm vi không gian) và mốc niên đại “*nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX*” (phạm vi thời gian) cũng như thuật ngữ “cải cách”.

- Về *phạm vi không gian*, xung quanh thuật ngữ Đông Á hiện nay có hai cách hiểu phổ biến. Trong đó, *theo cách hiểu truyền thống* thì phạm vi khu vực Đông Á trùng khít hay thực tế khi nhắc đến khu vực Đông Á chính là đề cập đến khu vực Đông Bắc Á, bao gồm Trung Quốc, Bán đảo Triều Tiên, Nhật Bản, Đài Loan, miền Đông nước Nga và Mông Cổ. *Theo cách hiểu thứ hai*, được sử dụng phổ biến hơn từ đầu những năm 2000 đến nay, thì Đông Á là khu vực nằm phía Đông của châu Á và phía Bắc của miền Tây châu Đại Dương, bao gồm cả hai khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Trong bản Luận án này, chúng tôi sử dụng khái niệm Đông Á theo quan điểm thứ hai và một số nhà cải cách tiêu biểu ở Đông Á mà chúng tôi lựa chọn phân tích là những nhà cải cách tiêu biểu của Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan và Việt Nam. Đó là những nhà cải cách Nguyễn Trường Tộ ở Việt Nam; nhà cải cách và tư tưởng lớn Fukuzawa Yukichi của Nhật Bản; Lý Hồng Chương - vị quan đại thần có tư tưởng canh tân ở Trung Quốc; và hai nhà cải cách tiêu biểu của Thái Lan là vua Mongkut.

- Về *phạm vi thời gian*, đề tài Luận án đề cập và phác dựng lại nhận thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia của các nhà cải cách Đông Á trong giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX, khi mà thực dân phương Tây chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và đẩy mạnh quá trình bành trướng thuộc địa sang phương Đông. Đứng trước nguy cơ tồn vong của dân tộc, với tư cách là thành phần “tinh hoa” và ưu tú của đất nước, các nhà cải cách ở Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản và Thái Lan đã có phản ứng và cách thức nhìn nhận về vấn đề chủ quyền và lợi ích quốc gia là khác nhau.

- Xung quanh *nội hàm thuật ngữ “cải cách”*, thực tế cho thấy, về tính chất và nội dung các cuộc cách ở Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản và Thái Lan có những khác biệt nhất định, chính vì thế, để định vị chính xác tên gọi tương ứng với từng nước vẫn là chủ đề tranh luận của nhiều nhà nghiên cứu. Trong ý nghĩa đó, để thống nhất về cách gọi, trong Luận án này, chúng tôi sử dụng thuật ngữ cải cách (reform) thay thế chung cho các thuật ngữ tương đồng và gắn với đặc trưng của từng quốc gia như duy tân (restoration), đổi mới (innovation), canh tân, khải mông…

**4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu**

***4.1. Nguồn tài liệu***

Luận án khai thác tối đã các nguồn tư liệu chính sử, các bộ sử biên niên cũng như các tập hồi ký, nhật ký, văn thư trao đổi, di thảo… của các nhà cải cách còn lưu giữ được đến ngày nay. Đồng thời, Luận án còn khai thác và kế thừa các công trình nghiên cứu của các học giả trong nước và quốc tế liên quan quan đến đề tài.

***4.2. Phương pháp nghiên cứu***

Để thực hiện chủ đề của luận án, *Phương pháp lịch sử* là phương pháp nghiên cứu chủ đạo và quan trọng nhất. Đây là phương pháp thiết yếu đối với mỗi công trình sử học. Qua việc thu thập, phân tích, đánh giá và sử dụng các nguồn sử liệu, luận án muốn phác dựng lại vấn đề nghiên cứu ở cả cách tiếp cận đồng đại và lịch đại nhằm hướng đến những đánh giá, nhận thức khoa học, khách quan, chân thực nhất.

Để làm sáng tỏ mục tiêu và nội dung nghiên cứu, luận án tập trung phân tích các sự kiện trọng yếu ở mỗi quốc gia và của chung khu vực theo những lát cắt thời gian. Bên cạnh đó, các sự kiện lịch sử luôn được xem xét, phân tích, nghiên cứu đối sánh trong những mối liên hệ và dòng chảy chung của lịch sử Đông Á. Chính vì thế, *Phương pháp so sánh* và tiếp cận khu vực được chúng tôi rất chú trọng vận dụng khi thực hiện các nội dung nghiên cứu của luận án, qua đó giúp chúng ta thấy được những tương đồng và dị biệt trong quá trình hình thành, những tương đồng và dị biệt trong ý thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia giữa các nhà cải cách khu vực Đông Á giai đoạn cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.

Bên cạnh đó, luận án còn sử dụng *Phương pháp nghiên cứu hệ thống cấu trúc, Phương pháp nghiên cứu liên ngành*, *Phương pháp logic, Phương pháp chuyên gia, Phương pháp thống kê*, *Phương pháp phân tích văn bản*,…

**5. ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN ÁN**

Trên cơ sở khảo cứu các nguồn tài liệu gồm: di thảo, các bản điều trần, văn thư trao đổi của các nhà cải cách, các bộ chính sử cũng như kế thừa các thành tựu nghiên cứu trong nước và quốc tế, luận án góp phần luận giải và làm sáng tỏ *ý thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia của các nhà cải cách ở khu vực Đông Á nửa cuối thể kỷ XIX - đầu thế kỷ XX*. Qua phân tích, nghiên cứu so sánh ý thức của các nhà cải cách tiêu biểu ở Đông Á là Fukuzawa Yukichi, Mongkut, Lý Hồng Chương và Nguyễn Trường Tộ với các nhà cải cách cùng thời cũng như các nhà cải cách thế hệ tiếp sau, luận án không chỉ tập trung phân tích, làm rõ những nguyên nhân, động lực dẫn đến sự hình thành ý thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia của các nhà cải cách Đông Á mà còn chỉ ra những tác nhân nội sinh và ngoại sinh dẫn đến những biến chuyển ấy, vai trò và những tác động trở lại của tư tưởng, ý thức đến cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia của các nước Đông Á những năm cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.

Hệ quả có thể thấy được là, trong khi Nhật Bản bảo vệ thành công chủ quyền và nền độc lập dân tộc, Thái Lan giữ được chủ quyền căn bản, thì Trung Quốc trở thành quốc gia nửa thuộc địa, nửa phong kiến còn Việt Nam trở thành quốc gia thuộc địa, nửa phong kiến.

**6. BỐ CỤC CỦA LUẬN ÁN**

Ngoài phần mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và phụ lục, bản Luận án gồm 4 chương:

*Chương 1*: Tổng quan về tình hình nghiên cứu

*Chương 2*: Đông Á trước áp lực bành trướng của thực dân phương Tây nửa cuối thế kỷ XIX

*Chương 3*: Ý thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia của một số nhà cải cách tiêu biểu

*Chương 4*: Ý thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia của các quốc gia Đông Á

**Chương 1**

# TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

**1.1. Tình hình nghiên cứu**

#### Trong quá trình triển khai đề tài nghiên cứu, theo chúng tôi, việc tham khảo nhiều nguồn tư liệu hay nhiều kênh thông tin khác nhau là hoạt động thiết thực và quan trọng. Chính vì vậy, trong chương tổng quan về tình hình nghiên cứu này, chúng tôi tập trung phân tích vào hai mảng nội dung có mối liên hệ và gắn bó mật thiết với nhau: Một là, khảo sát lại các nguồn tài liệu gốc hiện có để có thể đánh giá về hiện trạng và mức độ phục vụ trực tiếp cho đề tài; Hai là, phân tích nội dung và thành tựu của các công trình nghiên cứu đi trước để có được thông tin tham khảo cần thiết, và nhìn nhận lại những “khoảng trống” đề tài hướng tới giải quyết.

***1.1.1. Các nguồn tư liệu chính sử, biên niên sử, trước tác, hồi ký, …***

*1.1.1.1. Các nguồn tư liệu về các nhà cải cách Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX*

Đối với trường hợp Việt Nam, việc nghiên cứu về lịch sử triều Nguyễn nói chung và về Nguyễn Trường Tộ nói riêng không thể không khảo cứu và tham khảo các bộ chính sử, thư tịch cổ được biên soạn dưới triều đại này như bộ *Đại Nam nhất thống chí, Đại Nam liệt truyện,* và đặc biệt là bộ *Đại Nam thực lục*. Cùng với nguồn tài liệu chính sử, thì các tập di thảo, các bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ còn lưu giữ được cho đến ngày nay có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây cũng được coi là nguồn tài liệu cấp một, thông qua nguồn tham khảo này, tác giả có thể khảo cứu trực tiếp được tư tưởng, ý thức, nhận thức của ông trước thời cuộc thời bấy giờ.

*1.1.1.2. Nguồn tài liệu về các nhà cải cách ở Thái Lan, Trung Quốc, và Nhật Bản*

Để nghiên cứu về những nhà cải cách ở Thái Lan, Trung Quốc và Nhật Bản, các nguồn tài liệu tham khảo cấp một mà Luận án sử dụng như chính sử, sử biên niên, hồi ký, trước tác, di thảo… đa phần đã dịch từ tiếng Thái, tiếng Trung và tiếng Nhật sang tiếng Việt và tiếng Anh. Chính vì thế, mảng tài liệu này, chúng tôi sử dụng chủ yếu bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

***1.1.2. Các công trình nghiên cứu***

Trong những thập niên vừa qua, nghiên cứu về các nhà cải cách khu vực Đông Á nói chung và Việt Nam nói riêng đã thu hút đông đảo các nhà nghiên cứu trong nước. Số lượng phong phú, đa dạng của các công trình nghiên cứu đã cho thấy rõ điều đó. Các công trình nghiên cứu đã đề cập đến nhiều nội dung, nhiều khía cạnh khác nhau về các nhà cải cách như tiếp xúc vấn đề dưới góc độ kinh tế, chính trị, quân sự, tư tưởng, tôn giáo…

**1.2. Những vấn đề Luận án cần giải quyết**

***1.2.1. Những nội dung kế thừa từ các công trình đã công bố***

Như chúng tôi đã trình bày, nội dung trọng tâm của Luận án là đi sâu vào giải quyết những vấn đề đặt ra xung quanh ý thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia của một số nhà cải cách tiêu biểu ở Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan và Việt Nam. Để hoàn thành tốt mục tiêu nghiên cứu, bên cạnh việc khai thác tốt nguồn tư liệu cấp một như chính sử, sử biên niên, hồi ký,… chúng tôi cố gắng tiếp cận, nhìn nhận và kế thừa những đóng góp của các công trình đi trước cũng như xác định những “khoảng trống” và vấn đề mà Luận án cần giải quyết.

Trong ý nghĩa đó, Luận án đã khai thác các nguồn tư liệu và kế thừa những công trình nghiên cứu đi trước với các nội dung cụ thể như sau:

***Một là*,**hiện nay nguồn tài liệu cấp một về các nhà cải cách ở Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc và Nhật Bản mà chúng tôi tiếp cận được là rất phong phú. Đối với các nhà cải cách ở Việt Nam, các nguồn tài liệu chính yếu mà chúng tôi có thể sử dụng được là các bộ chính sử như *Đại Nam thực lục, Đại Nam liệt truyện* và *Đại Nam nhất thống chí;* bên cạnh đó là các trước tác, di thảo, thơ văn, điều trần, văn thư trao đổi… của chính các nhà cải cách. Ngoài ra, nguồn tài nguồn tài liệu châu bản triều Tự Đức hay Thư khố Bộ ngoại giao của Pháp cũng là một kênh tham khảo hữu ích. Đối với các nhà cải cách Thái Lan, chúng tôi hiện có thể tiếp cận được nguồn sử biên niên của triều đình Chakri, hồi ký của cố vấn, gia sư, đại sứ, chuyên gia phương Tây ở Siam, báo cáo thương mại của Đại sứ Anh ở Siam hay văn thư trao đổi của hai nhà vua Mongkut và Chulalongkorn. Trong khi đó, với nhà cải cách Fukuzawa Yukichi, chúng tôi có thể tiếp cận tư tưởng của ông qua chính những di thảo mà ông để lại như *Phúc ông tự truyện, Khái lược luận thuyết về văn minh, Khuyến học, Thoát Á luận…* Còn với trường hợp Lý Hồng Chương, chúng tôi đã và sẽ khai thác tập hồi ký của chính ông và hồi ký của các tác giả người phương Tây đương thời viết về ông. Có thể nói, việc khai thác tốt và khai thác triệt để các nguồn tài liệu này, chúng tôi sẽ có cơ sở, “điểm tựa” và luận cứ vững vàng cho các luận điểm mà Luận án đề ra.

***Hai là***, nghiên cứu về các nhà cải cách ở Việt Nam, Thái Lan, Nhật Bản và Trung Quốc nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã thu hút được đông đảo các nhà nghiên cứu ở trong và ngoài nước. Một lượng lớn các công trình nghiên cứu bằng tiếng Việt và tiếng Anh như chúng tôi đã đề cập ở phần trên cho phép chúng tôi tiếp cận một cách đa diện, đa chiều về phong trào cải cách ở Xiêm (1851 – 1910), cải cách ở Minh Trị ở Nhật Bản (1868-1912), phong trào Dương vụ ở Trung Quốc và những đề xuất cải cách của các nhà canh tân Việt Nam giữa thế kỷ XIX. Trên nền tảng bức tranh cải cách với nhiều “gam màu tối sáng” của từng nước, sự tương đồng và khác biệt trong tư duy các nhà cải cách trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, tôn giáo, quân sự, ngoại giao… cũng đã được các công trình bước đầu chỉ ra. Và đâu đó trong những công trình đi trước, các tác giả cũng đã đưa ra những luận điểm xác đáng cho rằng chính những khác biệt trong nhận thức của các nhà cải cách được coi là một trong những nhân tố then chốt quyết định đến chiều hướng và xu hướng thất bại và thành công của mỗi nước thời cận đại.

***Ba là,*** tuy chưa có công trình nào trình bày một cách đầy đủ và có hệ thống vấn đề chủ quyền và lợi ích quốc gia trong nhận thức của một số nhà cải cách ở Đông Á thời kỳ này, song phần lớn những nghiên cứu đi trước đều thống nhất với nhau quan điểm cho rằng, cải cách không chỉ là một phản ứng thuần túy của các nước Đông Á trước áp lực bành trướng của các thế lực phương Tây mà mà còn là một trong những lựa chọn thiết yếu và khôn ngoan trong việc giữ gìn độc lập, chủ quyền dân tộc. Đây cũng có thể coi là quan điểm gợi mở, để tác giả Luận án suy nghĩ và đi sâu vào luận giải những mục tiêu mà đề tài hướng tới.

***1.2.2. Những nội dung mới cần giải quyết trong luận án***

Qua khảo sát tình hình nghiên cứu về các nhà cải cách ở Nhật Bản, Thái Lan, Trung Quốc và Việt Nam mà các học giả trong và ngoài nước đã thực hiện, chúng tôi nhận thấy những nội dung mới cần giải quyết trong luận án như sau:

***Thứ nhất:*** Các công trình nghiên cứu của các học giả trong nước và quốc tế đã tái hiện khá đầy đủ và phản ánh phong phú, sinh động về công cuộc cải cách ở các nước Đông Á. Một bức tranh cải cách toàn diện, trực quan, sinh động với nhiều gam màu “tối”, “sáng” cùng những nội dung tư tưởng, quan điểm, triết luận của các nhà cải cách đã được tái hiện và phác dựng một cách tỉ mỉ và chuyên sâu. Tuy nhiên, một công trình nghiên cứu chuyên sâu và có hệ thống về *ý thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia của các nhà cải cách* tiêu biểu ở Đông Á thì chưa được chú ý tới. Đây là một nội dung chúng tôi cố gắng làm rõ trong luận án.

***Thứ hai,*** luận thuyết về chủ quyền và lợi ích quốc gia là những lý thuyết còn tương đối mới mẻ ở Việt Nam hiện nay. Thông qua nghiên cứu và khai thác các nguồn tư liệu quốc tế cũng như phân tích, so sánh, đối chiếu với các lý thuyết quan trọng khác trong quan hệ quốc tế như lý thuyết về chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa khu vực, chủ nghĩa toàn cầu, chủ nghĩa bá quyền ở Trung Quốc hay thậm chí là chủ nghĩa yêu nước truyền thống của Việt Nam, tác giả cố gắng phác dựng và lựa chọn một khung lý thuyết chung nhất làm cơ sở để luận giải những vấn đề về chủ quyền và lợi ích quốc gia mà Luận án đặt ra.

***Thứ ba,*** qua khảo sát tình hình nghiên cứu về các nhà cải cách ở các nước Đông Á, chúng tôi nhận thấy việc áp dụng một khung lý thuyết “chuẩn” để luận giải vấn đề chủ quyền và lợi ích quốc gia trong nhận thức của các nhà cải cách chưa được chú ý đến. Việc dùng một khung lý thuyết “chuẩn” và lấy đó làm “kim chỉ nam” để so sánh, đánh giá và phác dựng những nét tương đồng và dị biệt trong quan niệm về chủ quyền và lợi ích quốc gia của các nhà cải cách ở Đông Á cuối thế kỷ XIX cũng là một trong những nội dung trọng tâm của Luận án.

**Cuối cùng**, với tư cách là một công dân Việt Nam, thông qua nghiên cứu so sánh với phong trào cải cách của một số quốc gia trong khu vực Đông Á, thông qua sự khác biệt trong đặc điểm, tư tưởng của các nhà cải cách cuối thế kỷ XIX, chúng tôi cố gắng tập trung đánh giá, tổng kết và rút ra những đặc trưng, bản sắc mang tính đặc thù của Việt Nam. Đây cũng được coi là một nội dung trọng tâm mà Luận án hướng tới.

Tóm lại, trên cơ sở khảo sát tỉ mỉ và cẩn trọng nguồn tài liệu cấp một, cũng như kế thừa những thành tựu nghiên cứu đi trước, chúng tôi mong muốn góp một phần nhỏ bé làm sáng rõ thêm một trong những chủ đề quan trọng trong lịch sử Việt Nam và khu vực cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

**Chương 2**

**ĐÔNG Á TRƯỚC ÁP LỰC BÀNH TRƯỚNG CỦA** **CÁC**

**THẾ LỰC PHƯƠNG TÂY THẾ KỶ XIX**

**2.1. Sự hình thành của chủ nghĩa thực dân phương Tây và quá trình bành trướng sang phương Đông thế kỷ XVI-XIX**

***2.1.1. Sự trỗi dậy của các thế lực đại dương và những hoạt động ở châu Á thế kỷ XVI-XVIII***

#### Trong khoảng 300 năm đầu (1510-1799), quá trình xâm thực của các thế lực đại dương phương Tây ở Đông Á còn diễn ra ở quy mô và tốc độ hạn chế, chủ yếu dưới hình thức của hoạt động thương mại thực dân. Ngoài một số khu vực bị chiếm đóng, thì giao thương là hoạt động chủ đạo giữa các thế lực phương Tây đối với các quốc gia phương Đông thời kỳ này. Những hoạt động này dù diễn ra sôi nổi song về cơ bản không làm biến đổi cấu trúc kinh tế và cơ chế vận hành của đời sống kinh tế bản địa.

***2.1.2. Chủ nghĩa thực dân phương Tây và quá trình đẩy mạnh xâm chiếm thuộc địa ở phương Đông thế kỷ XIX***

Đến giữa thế kỷ XIX, trên bình diện quốc tế, thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh đã cơ bản kết thúc. Các nước tư bản nhanh chóng chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Vì vậy, khác với trước đây, đối với các thế lực phương Tây, các nước phương Đông không chỉ là địa bàn để tước đoạt của cải, những vùng đất di dân, buôn bán hương liệu hay truyền bá tôn giáo, đức tin nữa, mà còn là nơi đặt ách thống trị, cai trị trực tiếp để khai thác triệt để các nguồn nguyên liệu, nhân công, là nơi tiêu thụ sản phẩm công nghiệp và là địa bàn cho xuất khẩu công nghiệp, kinh doanh tư bản.. Có thể khẳng định rằng, *chính sự xâm nhập mạnh, liên tục và thô bạo của các thế lực phương Tây thế kỷ XIX là thách thức chưa từng thấy đối với sự tồn vong, nền độc lập dân tộc, an ninh về chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của hầu hết các quốc gia Đông Á thời kỳ này.*

**2.2. Các quốc gia Đông Á trước áp lực bành trướng của chủ nghĩa thực dân phương Tây thế kỷ XIX**

Trong tương quan so sánh lực lượng chênh lệch thời bấy giờ, sự xâm nhập và bành trướng của các thế lực phương Tây đã đe dọa và là thách thức chưa có đối với sự tồn vong của các nước Đông Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan và Việt Nam. Chính vì thế, bài toán chủ đạo đối với lịch sử của các nước Đông Á thế kỷ XIX là bằng cách nào để có thể bảo vệ được chủ quyền và lợi ích quốc gia trước tham vọng bành trướng của chủ nghĩa thực dân phương Tây.

Trước áp lực bành trướng ngày càng mạnh mẽ của các thế lực phương Tây vào giữa thế kỷ XIX, các quốc gia Đông Á đã có nhiều phản ứng khác nhau, trong đó cải cách đất nước, nâng cao tiềm lực quốc gia được hầu hết các quốc gia lựa chọn.

**Chương 3**

**Ý THỨC VỀ CHỦ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH QUỐC GIA CỦA MỘT SỐ NHÀ CẢI CÁCH TIÊU BIỂU**

**3.1. Luận thuyết về “chủ quyền” và “lợi ích quốc gia” trong lịch sử quan hệ quốc tế**

***3.1.1. Lý thuyết về “chủ quyền”***

Trong giới nghiên cứu quan hệ quốc tế hiện nay, khái niệm về “chủ quyền” là một khái niệm rộng và nội hàm thuật ngữ còn có nhiều khác biệt trong quan điểm của các học giả, các nhà nghiên cứu. Quan niệm về chủ quyền được nhìn nhận khác nhau qua từng thời kỳ lịch sử, nhưng điều có thể khẳng định rằng, ở bất kỳ thời đại nào, *chủ quyền quốc gia là quyền tự chủ của một nhà nước độc lập thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại của mình.* Theo khái niệm trên, chủ quyền quốc gia có hai nội dung cụ thể: Về mặt đối nội, chủ quyền quốc gia là quyền tối cao hoạch định và thực thi chính sách đối với cư dân và trên lãnh thổ của mình. Trong khi đó, về mặt đối ngoại, chủ quyền quốc gia là sự độc lập trong hoạch định chính sách, không chịu sự áp đặt của các quốc gia khác trong quan hệ đối ngoại của mình.

***3.1.2. Lý thuyết về “lợi ích quốc gia”***

### Cũng giống như chủ quyền quốc gia, lợi ích quốc gia (National Interest) hay còn được gọi là lợi ích dân tộc được nhìn nhận là một đặc tính quan trọng của quốc gia. Lợi ích quốc gia là một khái niệm gắn liền với quốc gia có chủ quyền và trên phương diện quan hệ quốc tế, đây là những lợi ích chủ yếu của quốc gia có chủ quyền trong quan hệ với bên ngoài.

Có nhiều cách phân loại lợi ích quốc gia khác nhau. Dựa trên *mức độ quan trọng* đối với quốc gia, có lợi ích sống còn hay lợi ích cốt lõi – lợi ích quan trọng – lợi ích thứ yếu. Dựa trên *quy mô thời gian*, có lợi ích chiến lược hay lợi ích lâu dài – lợi ích trung và ngắn hạn. Dựa trên *quy mô không gian*, có lợi ích tổng thể – lợi ích cụ thể. Dựa trên *khả năng chia sẻ* với các quốc gia khác, có lợi ích riêng – lợi ích chung. Dựa trên *lĩnh vực*, có lợi ích chính trị – lợi ích kinh tế – lợi ích an ninh – lợi ích văn hóa … Như vậy, có thể thấy rằng, nội hàm khái niệm là rất rộng lớn và lợi ích quốc gia được phân chia thành nhiều loại với nhiều tiêu chí khác nhau. Sự phân biệt lợi ích quốc gia phụ chỉ mang ý nghĩa tương đối và phụ thuộc nhiều vào mối quan tâm của từng cá thể trong các hoạt động quan hệ quốc tế. Chính vì thế, để hiểu nội hàm thuật ngữ một cách đúng đắn tương ứng với từng hoàn cảnh cụ thể, điều cần thiết là chúng ta phải nhận biết lợi ích quốc gia một cách khoa học và hợp lý.

**3.2. Chủ quyền và lợi ích quốc gia trong ý thức của một số nhà cải cách tiêu biểu**

***3.2.1. Ý thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia của Fukuzawa Yukichi***

Fukuzawa Yukichi được coi là nhà cải cách, nhà tư tưởng có nhiều ảnh hưởng nhất ở Nhật Bản giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX. Là người sinh ra, lớn lên và trưởng thành vào “mạt kỳ” của chính quyền Tokugawa cũng như những năm tháng đầy biến động trước và trong của phong trào Minh Trị, cho nên, điều dễ hiểu là, Fukuzawa có cách nhìn đầy sâu sắc về giai đoạn lịch sử rối ren, phức tạp của Nhật Bản thời kỳ này. Do đó, mặc dù độc lập của Nhật Bản chưa bao giờ bị xâm phạm, song Fukuzawa Yukichi hết sức quan tâm đến vấn đề chủ quyền và lợi ích quốc gia.

Không chỉ ý thức và nhìn nhận được những nguyên nhân trọng yếu đe dọa đến an ninh và chủ quyền dân tộc, Fukuzawa Yukichi còn đề ra được những biện pháp bảo vệ hữu hiệu. Bên cạnh những biện pháp cải cách toàn diện đất nước, mở rộng quan hệ đối ngoại, thì Fukuzawa Yukichi là người đặc biệt coi trọng việc tiếp nhận văn minh phương Tây. Học hỏi khoa học kỹ thuật, văn hóa, tư tưởng phương Tây để hướng tới việc xây dựng một mô hình nước Nhật giàu mạnh và hiện đại là mục tiêu “cốt lõi” trong tư tưởng của ông. Ý thức và tư tưởng của Fukuzawa Yukichi về chủ quyền và lợi ích quốc gia đã có những tác động sâu rộng trong xã hội Nhật Bản và góp phần quan trọng trong công cuộc cải cách, hiện đại hóa Nhật Bản dưới thời Minh Trị.

***2.2. Ý thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia của Mongkut (cq: 1851-1868)***

Đứng trước áp lực bành trướng ngày càng gia tăng của các thế lực thực dân phương Tây, với tư cách là người kế vị và đứng đầu đất nước năm 1851, vua Mongkut buộc phải đưa ra những lựa chọn và quyết sách cho dân tộc mình. Những quyết sách có thể ảnh hưởng và tác động sâu đậm đến sự tồn vong và đường hướng phát triển của Siam. Thực tế cho thấy, là một trí thức Phật giáo có 27 năm tu hành, thấm nhuần tư tưởng và triết lý của Phật giáo cũng như *kế thừa truyền thống ngoại giao và cách thức ứng đối linh hoạt của Siam với các thế lực phương Tây trong suốt hai thế kỷ trước đó*; đồng thời, do sớm có điều kiện tiếp xúc và học tập văn minh phương Tây, cho nên điều dễ hiểu là, nhà vua Mongkut sớm có nhãn quan chính trị sắc bén, có tầm nhìn, và tư duy trội vượt so với giới chính khách Siam thời kỳ này. Từ bài học của các quốc gia láng giếng mà đặc biệt là sự thất bại của Trung Quốc trước sự công phá của các thế lực thực dân phương Tây trong Chiến tranh nha phiến (1840-1842), vua Mongkut nhận thức rõ về sức mạnh và kỹ thuật vượt trội của phương Tây cũng như ý thức về nguy cơ xâm lược.

Nhận thức rõ về vị thế hiểm nguy của dân tộc trước áp lực bành trướng mạnh mẽ của các thế lực phương Tây, trên thực tế, vua Mongkut và các triều thần cấp tiến của mình đã lựa chọn và xây dựng đối sách phù hợp cho quốc gia của mình. Điều này cũng có nghĩa là, *nhận thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia được vua Mongkut thể hiện rõ nét trên hai phương diện*: 1. Qua chính sách đối ngoại mềm dẻo, linh hoạt của chính quyền Siam với các thế lực phương Tây và 2. Qua quá trình tiếp nhận văn minh phương Tây nhằm canh tân, tự cường đất nước.

***3.2.3. Ý thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia của Lý Hồng Chương***

Sau chiến tranh Nha phiến lần thứ nhất (1840-1842) và đặc biệt là chiến tranh Nha phiến lần thứ hai (1856-1860), chính quyền Mãn Thanh liên tục phải ký kết các điều ước bất bình đẳng và kèm theo đó, Trung Hoa chịu sự nô dịch ngày càng nặng nề của các cường quốc thực dân phương Tây. Điều này khiến Trung Hoa bắt đầu phải nhìn ra thế giới bên ngoài, nhìn nhận lại thực lực dân tộc mình và thế mạnh của người phương Tây. Qua các cuộc đụng độ với các thế lực phương Tây, một bộ phận trí thức tinh hoa ở Trung Hoa nhận ra rằng, , muốn thoát khỏi thân phận nô dịch, muốn theo kịp thiên hạ, Trung Hoa phải đi theo con đường khác. Và do đó, ở Trung Hoa đã dấy lên trào lưu học tập phương Tây, vận dụng kỹ thuật phương Tây nhằm làm Trung Hoa mạnh lên, bớt lạc hậu và yếu kém. Phong trào này được mang tên là Phong trào Dương vụ (1861-1894), với chủ thuyết “Sư di chi trường kỹ chế Di” (Học người phương Tây để chống lại người phương Tây).

Là người *đề xuất cương lĩnh chung* cho Phong trào Dương vụ, Cùng với Tăng Quốc Phiên (1811-1872) và Tả Tông Đường, Lý Hồng Chương (1823-1901) được xem là một trong những nhân vật tiêu biểu nhất của Phong trào Dương vụ tại địa phương, đại diện cho tầng lớp quan lại cấp tiến của triều đình Mãn Thanh có tư tưởng tiến bộ, mong muốn học tập phương Tây thời kỳ này.

Và đứng trước áp lực bành trướng ngày càng gia tăng của các thế lực thực dân phương Tây sau hai cuộc chiến tranh nha phiến, để bảo vệ độc lập và chủ quyền quốc gia, Lý Hồng Chương đã đưa ra chủ trương hết sức nhất quán trong tư tưởng và hành trạng của mình: “Thế ngày nay phải ngoại tu hòa nhung, nội tu biến pháp” (Đối ngoại phải hòa hoãn với các thế lực phương Tây, đối nội phải thực hiện biện pháp). Trong thế cuộc chính trị khó khăn chưa từng có trong lịch sử dân tộc, ông chủ trương hòa hoãn với các cường quốc thực dân, mặc dù sự hòa hoãn đó đã tổn hại không nhỏ đến chủ quyền và lợi ích quốc gia, để có “không gian”, “thời gian” và tập trung toàn lực vào canh tân, đổi mới và nâng cao tiềm lực dân tộc. Quan điểm của Lý Hồng Chương về chủ quyền và lợi ích quốc gia được thể hiện rõ nét qua các hoạt động canh tân của phong trào Dương vụ cũng như những ứng đối với các thế lực phương Tây thời kỳ này.

***3.2.4. Chủ quyền và lợi ích quốc gia trong ý thức của Nguyễn Trường Tộ***

Đến giữa thế kỷ XIX, Việt Nam chịu áp lực bành trướng ngày càng mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản phương Tây nói chung và dã tâm xâm lược của thực dân Pháp nói riêng. Trước áp lực bành trướng ngày càng gia tăng của các thế lực ngoại bang, Nguyễn Trường Tộ đã nhìn, đánh giá và tìm cách giải quyết một cách năng động hiểm họa mất nước của Việt Nam dựa trên những phân tích về tình hình thế giới và xu hướng bành trướng ngày càng gia tăng của các thế lực phương Tây.

Là một trong những nhà canh tân tiêu biểu nhất ở Việt Nam giữa thế kỷ XIX, tư tưởng của Nguyễn Trường Tộ được thể hiện đậm nét qua các di thảo cũng như các bản điều trần mà ông đề xuất lên triều đình nhà Nguyễn. Ý thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia của Nguyễn Trường Tộ được thể hiện qua các biện pháp canh tân đất nước toàn diện, qua biện pháp mở rộng ngoại giao, đồng thời, cũng giống như các nhà cải cách Fukuzawa Yukichi, Mongkut và Lý Hồng Chương, ông đặc biệt đề cao việc học hỏi và tiếp nhận văn minh phương Tây để hiện đại hóa đất nước, nâng cao tiềm lực dân tộc nhằm giữ vững chủ quyền và lợi ích quốc gia.

#

# Chương 4

**Ý THỨC VỀ CHỦ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH QUỐC GIA**

**CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG Á**

**4.1. Cơ sở chính trị, xã hội, văn hóa cho sự hình thành ý thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia**

Cùng với các yếu tố văn minh và trào lưu tư tưởng mới từ bên ngoài, thì nền tảng chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa bản địa của từng quốc gia Đông Á khiến vấn đề chủ quyền và lợi ích quốc gia được tiếp nhận và nhìn nhận khác nhau. Sự “xơ cứng” và khuôn khổ của “nhãn quan” và lập trường Nho giáo ở Trung Quốc và Việt Nam có những khác biệt đáng kể so với tư tưởng cởi mở, mềm mại, uyển chuyển linh hoạt của xã hội Phật giáo Thái Lan. Trong khi đó, tư duy lý tính, quen hội nhập, thích nghi được xem là đặc trưng nổi trội của xã hội thương nghiệp Nhật Bản; cùng với đó, sự kiên quyết, kiên định vốn là đặc điểm đặc thù của tầng lớp samurai khiến Nhật Bản dễ dàng và triệt để tiếp nhận những thành tố văn minh tiến bộ mới từ bên ngoài.

**4.2. Quá trình vận động và biến đổi về ý thức chủ quyền và lợi ích quốc gia**

Xem xét dưới góc nhìn đối sánh những chuyển biến và vận động trong tư tưởng và ý thức của các nhà cải cách tiêu biểu là Fukuzawa Yukichi (Nhật Bản), Mongkut (Thái Lan), Lý Hồng Chương (Trung Quốc) và Nguyễn Trường Tộ (Việt Nam) với các nhà cải cách cùng thời cũng như các nhà cải cách thế hệ tiếp sau như: Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Tôn Trung Sơn ở Trung Quốc; Nguyễn Lộ Trạch, Bùi Viện, Phạm Phú Thứ hay Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh ở Việt Nam; Chulalongkorn ở Thái Lan... để thấy được các bước phát triển về ý thức. Đó là các bước chuyển dần dần từ ý thức hệ phong kiến, phong kiến tư sản hóa và cuối cùng là dân chủ tư sản.

**4.3. So sánh ý thức về thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia của các quốc gia Đông Á**

So sánh ý thức của các nhà cải cách tiêu biểu ở Đông Á là Fukuzawa Yukichi, Mongkut, Lý Hồng Chương và Nguyễn Trường Tộ, chúng ta không chỉ thấy được những nguyên nhân, động lực dẫn đến sự hình thành ý thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia của các nhà cải cách Đông Á mà còn thấy được những tác nhân nội sinh và ngoại sinh dẫn đến những biến chuyển ấy. Đồng thời, chúng ta cũng thấy được vai trò và những tác động trở lại của tư tưởng, ý thức đến cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia của các nước Đông Á những năm cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.

**KẾT LUẬN**

1. Đến giữa thế kỷ XIX, trên bình diện quốc tế, thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh đã cơ bản kết thúc. Các nước tư bản nhanh chóng chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Vì vậy, khác với trước đây, đối với các thế lực phương Tây, các nước phương Đông không chỉ là địa bàn để tước đoạt của cải, những vùng đất di dân, buôn bán hương liệu hay truyền bá tôn giáo, đức tin nữa, mà còn là nơi đặt ách thống trị, cai trị trực tiếp để khai thác triệt để các nguồn nguyên liệu, nhân công, là nơi tiêu thụ sản phẩm công nghiệp và là địa bàn cho xuất khẩu công nghiệp, kinh doanh tư bản. Với những sức mạnh vượt trội về kinh tế, lực lượng quân sự và sức mạnh của pháo hạm, các cường quốc phương Tây sẵn sàng dùng vũ lực xâm chiếm phương Đông. Điều này đặt ra cho các quốc gia Đông Á phải đương đầu với một thách thức chính trị hết sức gay gắt. *Chưa bao giờ vấn đề chủ quyền, sự tồn vong và nền độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Á lại bị đe dọa và thử thách nghiêm trọng như vậy*.

 2. Đứng trước áp lực bành trướng của các thế lực phương Tây, là những trí thức, người đứng đầu các thiết chế chính trị, quan lại cao cấp... sớm có điều kiện tiếp xúc với thế giới bên ngoài, tiếp nhận được lượng thông tin phong phú, đồng thời nắm bắt được những thay đổi căn bản của thế giới, các nhà cải cách ở Đông Á sớm nhận thấy sự phát triển trội vượt của văn minh phương Tây không chỉ về sức mạnh quân sự, các thành tựu về khoa học, kỹ thuật mà còn ở thiết chế nhà nước, các thức tổ chức, điều hành, quản lý nhà nước, xã hội, nền kinh tế... theo những phương thức mới. Chính vì vậy, chủ trương học tập và tiếp thu toàn diện văn minh phương Tây là quan điểm tương đối nhất quán và xuyên suốt của các nhà cải cách ở Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan và Việt Nam. Học tập văn minh phương Tây để cải cách đất nước, nâng cao kháng lực, sức mạnh dân tộc được các nhà cải cách xem là phương thức hữu hiệu để bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia.

 3. Trên nền tảng chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa bản địa của từng quốc gia Đông Á mà vấn đề chủ quyền và lợi ích quốc gia được tiếp nhận và nhìn nhận khác nhau. Bị đè nén bởi thiết chế chính trị chuyên chế, quan liêu và hệ tư tưởng Nho giáo nên quá trình vận động của các trào lưu cải cách và ý thức về chủ quyền, lợi ích quốc gia của các nhà cải cách ở Trung Quốc, Việt Nam có những khác biệt đáng kể so với tư tưởng cởi mở, mềm mại, uyển chuyển linh hoạt của xã hội Phật giáo Thái Lan. Trong khi đó, ở Nhật Bản, do sự phát triển sớm và phát triển cao của xã hội thành thị và văn hóa thị dân, sự hình thành và ảnh hưởng sâu rộng của Hà Lan học và Dương học... đã chuẩn bị những nền tảng quan trọng cho phong trào cải cách. Bên cạnh đó, truyền thống tư duy giàu lý tính, ưa hành động, sự trung thành, tình thần kiên định và quyết tâm của đẳng cấp samurai khiến đẳng cấp này trở thành lực lượng lãnh đạo, trung tâm của phong trào cải cách. Đến giữa thế kỷ XIX, tư tưởng về chủ quyền và lợi ích quốc gia theo mô hình phương Tây đã có sự kết hợp, tích hợp với những quan niệm, giá trị truyền thống và chính nền tảng chính trị, xã hội, văn hóa khác nhau đã tạo nên những đặc điểm khác biệt trong ý thức của Fukuzawa Yukichi, Mongkut, Lý Hồng Chương và Nguyễn Trường Tộ.

 4. Nhận thức sâu sắc về tình trạng lạc hậu của dân tộc, những đe dọa nghiêm trọng về chủ quyền, lợi ích quốc gia trước áp lực bành trướng của các thế lực thực dân phương Tây, chủ trương cải cách đất nước, nâng cao tiềm lực dân tộc là đường hướng chung, rất tương đồng ở các quốc gia Đông Á. Rõ ràng, xu hướng vận động từ trên xuống hay từ dưới lên phụ thuộc nhiều vào thành phần xã hội, nguồn gốc xuất thân và vị thế của từng nhà cải cách. Tuy đây không phải là yếu tố quyết định, song, đây cũng được xem là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự thành công của các công cuộc cải cách. Công cuộc cải cách từ trên xuống hay từ dưới lên, dù thành công hay thất bại thì có thể khẳng định đây là biểu hiện cụ thể và rõ ràng nhất về tư duy, nhận thức của các nhà cải cách về độc lập và sự tồn vong của dân tộc.

 5. Phong trào cải cách ở các quốc gia Đông Á nửa cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX đã diễn ra với những đặc tính khác khác nhau ở từng nước cũng như có mức độ thành công hay không thành công là khác nhau. Nhưng, ý thức về chủ quyền và lợi ích quốc gia từng đã xuất hiện sớm, trải nghiệm qua thực tiễn và không ngừng được bổ sung, hoàn thiện trong tiến trình cải cách của các quốc gia Đông Á. Cuối cùng, bằng nhiều con đường, cách thức khác nhau, đến những năm 40 - 50 của thế kỷ XX, với tình cảm dân tộc, tinh thần yêu nước, ý thức sâu sắc về chủ quyền và lợi ích quốc gia, các quốc gia Đông Á đã vươn lên giành lại nền nền độc lập, tự do của dân tộc.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

 1. Nguyễn Tiến Dũng (2016), “Nhìn lại quá trình tiếp nhận văn minh phương Tây ở Siam (Thailand) dưới thời vua Mongkut (1851-1868): Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế: *Văn hóa và ngôn ngữ các dân tộc trong sự giao thoa giữa các quốc gia Đông Nam Á*, NXB Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên, tr. 114-123.

 2. Nguyễn Tiến Dũng (2016), “Nhìn lại ứng đối của chính quyền Siam với thực dân Pháp dưới thời vua Mongkut (1851-1868)”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* (6), tr. 49-55.

 3. Nguyễn Tiến Dũng (2016), “Ứng đối của chính quyền Siam với thực dân Anh dưới thời vua Mongkut (1851-1868), *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* (3), tr. 51-65.

 4. Nguyễn Tiến Dũng (2016), “Nhìn lại sự kiện khai mở rào cản thương mại Anh-Siam năm 1855”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* (3), tr. 17-26.

 5. Nguyen Tien Dung (2013), “The Consciousness of National Sovereignty and Interests of Prominent Thai Reformers in the Second Half of the Nineteenth Century: A Comparison with Vietnam”, *2nd ENITS Scholarship Research Presentation 2013*, Institute of Thai Studies, Chulalongkorn University, Bangkok, Thailand (15th August).

 6. Nguyen Tien Dung (2013), “The Consciousness of National Sovereignty and Interests of Prominent Vietnamese Reformists in the Second Half of the Nineteenth Century”, *The 8th Asian Graduate Forum on Southeast Asian Studies*, Asia Research Institute, National University of Singapore, Singapore (24-26 July).